

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

---

*Hải Phòng, tháng 03 năm 2017*

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07 - 08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 26

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch	
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch	
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên	
Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/02/2016
Ông Vũ Hữu Chinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/02/2016
Ông Nguyễn Văn Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/02/2016
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/02/2016
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 12/03/2016
Bà Nguyễn Thu Hằng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 12/03/2016 và miễn nhiệm ngày 10/02/2017

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Mạnh Hoàn	Phó tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 12/03/2016 và miễn nhiệm ngày 10/02/2017
Ông Bùi Tú Anh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/03/2016

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trần Việt Hùng*

---

**TRẦN VIỆT HÙNG**  
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 03 năm 2017

SỐ: 44/VACO/BCKT.HP

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07/03/2017, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Hồng Hiền  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số 1117-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM  
TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG**  
Ngày 07 tháng 03 năm 2017  
Tp. Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam



Đỗ Bình Dương  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số 1953-2013-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>253.234.647.927</b>	<b>230.216.059.309</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>138.792.246.617</b>	<b>144.989.983.612</b>
1. Tiền	111		1.937.046.617	1.889.983.612
2. Các khoản tương đương tiền	112		136.855.200.000	143.100.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>96.750.000.000</b>	<b>54.250.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	96.750.000.000	54.250.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.952.840.501</b>	<b>28.224.025.939</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	11.291.297.539	25.481.090.194
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		133.192.000	3.010.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.041.279.093	2.828.807.712
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(512.928.131)	(88.881.967)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>3.589.956.642</b>	<b>2.388.188.326</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.589.956.642	2.388.188.326
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>149.604.167</b>	<b>363.861.432</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		149.604.167	363.861.432
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>77.940.701.468</b>	<b>82.031.607.674</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>1.030.101.564</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	-	1.030.101.564
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>41.331.358.347</b>	<b>45.116.902.026</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	41.166.566.479	44.891.441.887
- Nguyên giá	222		281.396.231.013	270.650.169.043
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(240.229.664.534)	(225.758.727.156)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	164.791.868	225.460.139
- Nguyên giá	228		775.000.000	727.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(610.208.132)	(501.539.861)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>478.497.709</b>	<b>221.014.255</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		478.497.709	221.014.255
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>30.584.573.920</b>	<b>35.584.573.920</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	30.584.573.920	35.584.573.920
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.546.271.492</b>	<b>79.015.909</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.546.271.492	79.015.909
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>331.175.349.395</b>	<b>312.247.666.983</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>20.333.551.069</b>	<b>37.655.798.620</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.333.551.069</b>	<b>37.655.798.620</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	4.208.859.997	12.346.189.494
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.195.036.332	152.000.425
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	4.338.194.654	9.923.236.880
4. Phải trả người lao động	314		7.731.509.865	12.005.389.827
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		81.172.086	234.063.128
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		687.707.190	970.821.257
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.091.070.945	2.024.097.609
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>310.841.798.326</b>	<b>274.591.868.363</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>310.841.798.326</b>	<b>274.591.868.363</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		236.246.560.000	78.749.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.246.560.000	78.749.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.352.660.454	1.352.660.454
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.627.148.260	113.734.763.396
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.615.429.612	80.754.724.513
- Lãi lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.156.336.979	80.754.724.513
- Lãi năm nay	421b		39.459.092.633	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>331.175.349.395</b>	<b>312.247.666.983</b>



Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 07 tháng 03 năm 2017

Mai Thị Yên Thế  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		106.429.231.031	212.246.464.401
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	106.429.231.031	212.246.464.401
4. Giá vốn hàng bán	11	19	65.675.814.051	120.477.435.311
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		40.753.416.980	91.769.029.090
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	22.493.957.813	13.194.384.656
7. Chi phí tài chính	22		24.998.800	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.062.500	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	15.021.293.751	18.261.727.577
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (26)}	30		48.201.082.242	86.701.686.169
10. Thu nhập khác	31	23	2.550.439	2.989.448.706
11. Chi phí khác	32	23	1.029.428.913	374.623.995
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.026.878.474)	2.614.824.711
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		47.174.203.768	89.316.510.880
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	7.715.111.135	18.725.986.016
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		39.459.092.633	70.590.524.864
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.670	2.988



Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 07 tháng 03 năm 2017

Mai Thị Yên Thế  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	47.174.203.768	89.316.510.880
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14.579.605.649	16.479.237.239
Các khoản dự phòng	03	424.046.164	88.881.967
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(894.423)	(3.614.924)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.493.063.390)	(15.664.806.095)
Chi phí lãi vay	06	2.062.500	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	39.685.960.268	90.216.209.067
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	15.459.748.446	2.353.537.939
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.201.768.316)	773.193.886
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.961.733.949)	12.793.880.431
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.252.998.318)	(130.564.777)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.062.500)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.029.312.034)	(12.802.212.490)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.135.861.264)	(5.731.184.047)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20.561.972.333	87.472.860.009
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.853.360.658)	(206.803.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.474.036.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(217.800.000.000)	(54.750.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	175.300.000.000	86.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.000.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.602.700.782	11.670.643.343
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26.750.659.876)	45.187.876.206
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.000.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.943.875)	(31.489.350.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.943.875)	(31.489.350.125)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(6.198.631.418)	101.171.386.090
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	144.989.983.612	43.814.982.598
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	894.423	3.614.924
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	138.792.246.617	144.989.983.612

Các Thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND



Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 07 tháng 03 năm 2017

Mai Thị Yên Thế  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá là Công ty Cổ phần được cổ phần hoá từ Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá theo Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0203000123 ngày 27/11/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827. Giấy chứng nhận kinh doanh sửa đổi gần nhất lần 7 ngày 13/08/2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 7 ngày 13/08/2016, vốn Điều lệ của Công ty là 236.246.560.000 đồng.

Công ty có 03 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải đa phương thức, được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011;
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Xếp dỡ và Giao nhận, được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011.
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại thành phố Hà Nội, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh ngày 17/10/2016.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 250 người (tại ngày 01/01/2016 là 343 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: bốc xếp hàng hoá; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hoá, dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hoá, dịch vụ nâng cầu hàng hoá, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển; kho bãi và lưu giữ hàng hoá; vận tải hành khách ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác - dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động chính của Công ty là: dịch vụ bốc xếp hàng hoá; kinh doanh kho bãi; vận tải và dịch vụ vận tải; đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chuẩn mục và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mục kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mục kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định hiện hành.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2016 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 13
Máy móc, thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí trả trước**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư đã xuất dùng và chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư, thời gian và lãi suất áp dụng của khoản tiền gửi.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	160.521.420	630.344.252
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.776.525.197	1.259.639.360
Các khoản tương đương tiền (*)	136.855.200.000	143.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>138.792.246.617</b>	<b>144.989.983.612</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo</b>	<b>96.750.000.000</b>	<b>96.750.000.000</b>	<b>54.250.000.000</b>	<b>54.250.000.000</b>
<i>a1) Ngắn hạn</i>	96.750.000.000	96.750.000.000	54.250.000.000	54.250.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	96.750.000.000	96.750.000.000	54.250.000.000	54.250.000.000
<i>a2) Dài hạn</i>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>96.750.000.000</b>	<b>96.750.000.000</b>	<b>54.250.000.000</b>	<b>54.250.000.000</b>

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (1)	5.500.000.000	-	5.500.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng (2)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines (3)	-	-	5.000.000.000	-
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (4)	22.084.573.920	-	22.084.573.920	-
<b>Cộng</b>	<b>30.584.573.920</b>	<b>-</b>	<b>35.584.573.920</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

- (1) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ với giá trị 5.500.000.000 đồng tương đương với 1.100.000 cổ phần, chiếm 2,75% vốn Điều lệ. Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ hiện nay đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu DVP.
- (2) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng với giá trị 3.000.000.000 đồng tương đương với 300.000 cổ phần, chiếm 2,5% vốn điều lệ.
- (3) Phản ánh khoản vốn góp vào Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines với số tiền là 5.000.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ. Trong năm, khoản đầu tư này đã được thanh lý theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 33/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2016 về việc giải thể và hoàn trả vốn góp cổ đông. Theo đó, Công ty được nhận số tiền là 5.114.639.588 đồng bao gồm 5 tỷ đồng vốn góp và 114.639.588 đồng lãi thanh lý.
- (4) Phản ánh khoản góp vốn theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp HĐCNVG06/2010/MHC/DXP ngày 24/12/2010. Theo đó, giá trị phần vốn sở hữu là 450.000 USD, tương đương với 15% vốn điều lệ.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính số 02 và số 04 tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<b>11.291.297.539</b>	<b>25.481.090.194</b>
Công ty VTB Container Vinalines	3.379.380.562	2.159.375.535
Công ty TNHH MTV Genadept Hải Phòng	1.868.452.025	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	1.520.888.240	290.755.660
CTCP Thương mại và Vận tải biển Đại Tây Dương	-	8.815.573.480
Công ty cổ phần hàng hải VSICO	-	7.338.592.559
Đối tượng khác	4.522.576.712	6.876.792.960
<i>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.291.297.539</b>	<b>25.481.090.194</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<b>3.041.279.093</b>	<b>2.828.807.712</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	2.706.844.553	2.316.481.945
Tạm ứng của nhân viên	138.250.160	179.838.500
Phải thu khác	196.184.380	332.487.267
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	-	<b>1.030.101.564</b>
Phải thu các cá nhân về bồi thường hàng hóa	-	1.030.101.564
<b>Cộng</b>	<b>3.041.279.093</b>	<b>3.858.909.276</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Thông tin về các khoản phải thu thương mại quá hạn</i>	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Kad Việt Nam	33.427.095	33.427.095	53.427.095	37.398.967
Công ty CP Vận tải biển GLS	484.633.453	145.390.036	-	-
Chi nhánh Công ty CP Vận tải biển GLS	800.000.000	240.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV vận tải Hải Nam	188.222.000	94.111.000	188.222.000	51.483.000
<b>Cộng</b>	<b>1.506.282.548</b>	<b>512.928.131</b>	<b>241.649.095</b>	<b>88.881.967</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.685.389.180	-	1.885.812.664	-
Công cụ, dụng cụ	904.567.462	-	502.375.662	-
<b>Cộng</b>	<b>3.589.956.642</b>	<b>-</b>	<b>2.388.188.326</b>	<b>-</b>

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Số đầu năm	56.671.515.510	7.905.014.477	204.336.846.125	1.736.792.931	270.650.169.043
Mua trong năm	385.183.637	2.282.346.515	7.622.400.000	456.131.818	10.746.061.970
<b>Số cuối năm</b>	<b>57.056.699.147</b>	<b>10.187.360.992</b>	<b>211.959.246.125</b>	<b>2.192.924.749</b>	<b>281.396.231.013</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	56.637.267.805	4.231.270.059	163.518.727.880	1.371.461.412	225.758.727.156
Khấu hao trong năm	22.124.485	891.234.911	13.291.326.000	266.251.982	14.470.937.378
<b>Số cuối năm</b>	<b>56.659.392.290</b>	<b>5.122.504.970</b>	<b>176.810.053.880</b>	<b>1.637.713.394</b>	<b>240.229.664.534</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	34.247.705	3.673.744.418	40.818.118.245	365.331.519	44.891.441.887
<b>Số cuối năm</b>	<b>397.306.857</b>	<b>5.064.856.022</b>	<b>35.149.192.245</b>	<b>555.211.355</b>	<b>41.166.566.479</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 183.611.627.203 đồng (tại ngày 01/01/2016 là 164.304.648.128 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu năm	727.000.000	727.000.000
Mua trong năm	48.000.000	48.000.000
Số cuối năm	<b>775.000.000</b>	<b>775.000.000</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số đầu năm	501.539.861	501.539.861
Khấu hao trong năm	108.668.271	108.668.271
Số cuối năm	<b>610.208.132</b>	<b>610.208.132</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số đầu năm	<b>225.460.139</b>	<b>225.460.139</b>
Số cuối năm	<b>164.791.868</b>	<b>164.791.868</b>

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 102.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2016 là 102.000.000 đồng).

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	<b>4.208.859.997</b>	<b>4.208.859.997</b>	<b>12.346.189.494</b>	<b>12.346.189.494</b>
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	378.011.083	378.011.083	6.138.024.379	6.138.024.379
Công ty cổ phần Lốp Ô tô Thăng Long	412.500.000	412.500.000	1.375.000.000	1.375.000.000
Công ty TNHH Xăng dầu Tratimex	351.540.060	351.540.060	980.563.700	980.563.700
Phải trả nhà cung cấp khác	3.066.808.854	3.066.808.854	3.852.601.415	3.852.601.415
<i>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</i>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.208.859.997</b>	<b>4.208.859.997</b>	<b>12.346.189.494</b>	<b>12.346.189.494</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế phải nộp</b>	<b>9.923.236.880</b>	<b>19.090.289.184</b>	<b>24.675.331.410</b>	<b>4.338.194.654</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.118.941.542	6.474.725.163	7.460.945.483	132.721.222
Thuế xuất, nhập khẩu	-	132.138.998	132.138.998	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.772.983.963	7.721.439.205	14.029.312.034	2.465.111.134
Thuế thu nhập cá nhân	31.311.375	375.271.900	398.463.142	8.120.133
Thuế nhà đất	-	95.770.000	95.770.000	-
Tiền thuê đất	-	3.162.558.000	1.581.279.000	1.581.279.000
Các loại thuế khác	-	1.128.385.918	977.422.753	150.963.165
<b>Cộng</b>	<b>9.923.236.880</b>	<b>19.090.289.184</b>	<b>24.675.331.410</b>	<b>4.338.194.654</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 7, vốn Điều lệ của Công ty là 236.246.560.000 đồng. Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 29/07/2016 do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp như sau:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số cổ phiếu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
		Cổ phiếu	VND	%
1	Ông Hoàng Văn Quang	5.700.000	57.000.000.000	24,13%
2	Công ty Cổ phần Tratimex P&L	5.700.000	57.000.000.000	24,13%
3	PYN Elite Fund (Non-Ucits)	2.279.850	22.798.500.000	9,65%
4	Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	1.945.500	19.455.000.000	8,23%
5	America LLC	1.253.970	12.539.700.000	5,31%
6	Cổ đông khác	6.745.336	67.453.360.000	28,55%
	<b>Cộng</b>	<b>23.624.656</b>	<b>236.246.560.000</b>	<b>100,00%</b>

**b) Cổ phiếu**

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.624.656	7.874.972
+ Cổ phiếu phổ thông	23.624.656	7.874.972
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.624.656	7.874.972
+ Cổ phiếu phổ thông	23.624.656	7.874.972
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**Số 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)***c) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	78.749.720.000	1.352.660.454	109.649.718.931	50.115.475.161	239.867.574.546
Trích lập các quỹ	-	-	4.085.044.465	(8.435.044.465)	(4.350.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(31.499.888.000)	(31.499.888.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	70.590.524.864	70.590.524.864
Giảm khác	-	-	-	(16.343.047)	(16.343.047)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>113.734.763.396</b>	<b>80.754.724.513</b>	<b>274.591.868.363</b>
Trích lập các quỹ (*)	-	-	28.015.664.864	(31.215.664.864)	(3.200.000.000)
Chia cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu (**)	39.373.560.000	-	-	(39.373.560.000)	-
Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn và các quỹ (**)	118.123.280.000	-	(118.123.280.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	39.459.092.633	39.459.092.633
Giảm khác	-	-	-	(9.162.670)	(9.162.670)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>236.246.560.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>23.627.148.260</b>	<b>49.615.429.612</b>	<b>310.841.798.326</b>

(\*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/NQ-DHĐCD ngày 12 tháng 03 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau: trích quỹ đầu tư phát triển là 28.015.664.864 đồng, quỹ khen thưởng là 2.500.000.000 đồng, quỹ phúc lợi là 500.000.000 đồng, quỹ thưởng ban điều hành là 200.000.000 đồng, chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu tỷ lệ 50% bằng cổ phiếu.

(\*\*) Theo quyết định số 09/2016/QĐ-HĐQT, Chủ tịch HĐQT quyết định thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2015 với tỷ lệ 2:1 và phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 2:3. Ngày đăng ký cuối cùng phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 và phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là ngày 29 tháng 07 năm 2016. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do trả cổ tức năm 2015 và cổ phiếu thưởng chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15/09/2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngoại tệ tại các ngân hàng (USD)	3.320,15	3.320,15
b. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.635.875	2.635.875

**17. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ bốc xếp hàng hoá tại Thành phố Hải Phòng.

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ	106.429.231.031	212.246.464.401
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</b>	<b>106.429.231.031</b>	<b>212.246.464.401</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	65.675.814.051	120.477.435.311
<b>Cộng</b>	<b>65.675.814.051</b>	<b>120.477.435.311</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá	10.871.823.124	25.707.002.863
Chi phí nhân công	29.136.096.091	48.766.308.685
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.579.605.649	16.479.237.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.790.238.605	38.620.513.940
Chi phí khác	8.319.344.333	9.166.100.161
<b>Cộng</b>	<b>80.697.107.802</b>	<b>138.739.162.888</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	12.628.423.802	8.440.769.732
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	9.750.000.000	4.750.000.000
Lãi thanh lý khoản đầu tư (**)	114.639.588	
Lãi chênh lệch tỷ giá	894.423	3.614.924
<b>Cộng</b>	<b>22.493.957.813</b>	<b>13.194.384.656</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(\*) Trong năm 2016, Công ty nhận được cổ tức từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ là 8.250.000.000 đồng (bao gồm cổ tức đợt 2 năm 2015 với tỷ lệ 50% và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 với tỷ lệ 25%) và lợi nhuận năm 2015 từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao là 1.500.000.000 đồng.

(\*\*) Là khoản lãi từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines.

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.963.513.852	8.199.987.404
Chi phí vật liệu quản lý	294.853.793	304.441.947
Chi phí đồ dùng văn phòng	124.142.274	175.802.895
Chi phí khấu hao TSCĐ	504.251.626	473.820.563
Thuế, phí và lệ phí	3.263.828.000	3.263.328.000
Chi phí dự phòng	424.046.164	88.881.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	868.158.321	749.425.966
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.578.499.721	5.006.038.835
<b>Cộng</b>	<b>15.021.293.751</b>	<b>18.261.727.577</b>

**23. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu từ thanh lý tài sản	-	2.498.000.000
Thu nhập khác	2.550.439	491.448.706
<b>Cộng</b>	<b>2.550.439</b>	<b>2.989.448.706</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí tiền điện	-	350.660.358
Xóa nợ phải thu khác theo quyết định của HĐQT	1.019.906.160	-
Chi phí khác	9.522.753	23.963.637
<b>Cộng</b>	<b>1.029.428.913</b>	<b>374.623.995</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(1.026.878.474)</b>	<b>2.614.824.711</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	47.174.203.768	89.316.510.880
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	<b>(8.598.648.094)</b>	<b>(4.198.392.623)</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(9.864.639.588)	(4.750.000.000)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.265.991.494	551.607.377
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>38.575.555.674</b>	<b>85.118.118.257</b>
Thuế suất	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>7.715.111.135</b>	<b>18.725.986.016</b>

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Trong năm 2016, Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ nguồn vốn và các quỹ dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm 2015, dẫn đến lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước {*} (Trình bày hồi tố) VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	39.459.092.633	70.590.524.864
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.624.656	23.624.656
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.670</b>	<b>2.988</b>

{\*} Theo Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán, lãi cơ bản trên cổ phiếu là 8.964 đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, do Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ nguồn vốn và các quỹ dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm 2015 như trên.

Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa có quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận năm 2016, do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 chưa loại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích - nếu có. Trong năm 2016, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết đại hội cổ đông từ nguồn lợi nhuận năm 2015, theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 được trình bày lại theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014 như sau:

	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	70.590.524.864
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận năm 2015	(3.200.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.390.524.864
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.624.656
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.853</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.792.246.617	144.989.983.612
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.819.648.501	29.071.279.003
Đầu tư tài chính ngắn hạn	96.750.000.000	54.250.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	30.584.573.920	35.584.573.920
<b>Tổng cộng</b>	<b>279.946.469.038</b>	<b>263.895.836.535</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.896.567.187	13.317.010.751
Chi phí phải trả	1.662.451.086	234.063.128
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.559.018.273</b>	<b>13.551.073.879</b>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) tuy nhiên các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quan lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện ít các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>Tại 31/12/2016</b>	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.792.246.617	-	138.792.246.617
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.819.648.501	-	13.819.648.501
Đầu tư tài chính ngắn hạn	96.750.000.000	-	96.750.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	30.584.573.920	30.584.573.920
<b>Cộng</b>	<b>249.361.895.118</b>	<b>30.584.573.920</b>	<b>279.946.469.038</b>
<b>Tại 31/12/2016</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.896.567.187	-	4.896.567.187
Chi phí phải trả	1.662.451.086	-	1.662.451.086
<b>Cộng</b>	<b>6.559.018.273</b>	<b>-</b>	<b>6.559.018.273</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>242.802.876.845</b>	<b>30.584.573.920</b>	<b>273.387.450.765</b>

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.989.983.612	-	144.989.983.612
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.041.177.439	1.030.101.564	29.071.279.003
Đầu tư tài chính ngắn hạn	54.250.000.000	-	54.250.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	35.584.573.920	35.584.573.920
<b>Cộng</b>	<b>227.281.161.051</b>	<b>36.614.675.484</b>	<b>263.895.836.535</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	13.317.010.751	-	13.317.010.751
Chi phí phải trả	234.063.128	-	234.063.128
<b>Cộng</b>	<b>13.551.073.879</b>	<b>-</b>	<b>13.551.073.879</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>213.730.087.172</b>	<b>36.614.675.484</b>	<b>250.344.762.656</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**27. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 1.500.000.000 đồng, là số tiền cổ tức nhận được từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao thông qua hình thức bù trừ với công nợ phải trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng/giảm các khoản phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng, các khoản phúc lợi khác	2.215.153.918	2.795.416.026

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.



Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 07 tháng 03 năm 2017

Mai Thị Yên Thế  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương  
Người lập